

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn:

Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)

Độ tuổi:

Nhà trẻ (18 – 36 tháng)

Số trẻ:

23

Số tiền mỗi trẻ:

37,000

Thực đơn:

Sáng: Súp thịt heo, cà rốt, khoai môn, nấm bào ngư, trứng gà - Uống sữa

Trưa: Cơm trắng - Tôm tươi xào đậu cô ve, bông cải trắng - Canh thịt gà nấu rau dền cơm, nấm rơm

Xế: Chuối cau

Xế chiều: Miến cá diêu hồng nấu nấm kim châm, cà chua - Nhóm 2: Cháo cá cà chua, nấm kim châm

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	350	6,280	21,980
2	0494	Đường cát	100	3,780	3,780
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,500	2,560	38,400
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	0185	Tỏi ta	50	7,350	3,675
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	50	5,780	2,890
10	0649	Bột năng	200	4,637.5	9,275
11	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
12	0089	Cà rốt	200	5,780	11,560
13	N0770	Thịt nạc dăm	300	18,270	54,810
14	0033	Khoai môn	300	6,410	19,230
15	N0778	Nấm bào ngư	100	12,920	12,920
16	0424	Tôm sú	1,000	30,980	309,800
17	0181	Bông cải trắng (súp lơ)	200	8,930	17,860
18	0052	Đậu cô ve (hạt)	100	7,040	7,040
19	N0772	Thịt ức gà	300	12,920	38,760
20	N0766	Rau dền cơm	700	4,620	32,340
21	0211	Nấm rơm	100	13,130	13,130
22	0747	Chuối cau	1,200	2,680	32,160
23	0038	Miến dong	200	5,390	10,780
24	N0799	Cá diêu hồng phi lê	300	22,890	68,670
25	N0965	Nấm kim châm	100	10,610	10,610
26	0087	Cà chua	200	5,670	11,340

27	0748	Rau muống	100	3,990	3,990
28	0457	Sữa bột toàn phần	444.16	19,500	86,611
Tổng cộng					851,001

Tổng tiền thực phẩm	851,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	851,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	5,772,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	5,772,000

Phó Hiệu Trưởng

Cấp Dưỡng

Kế Toán

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan